

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2020/HN - ST

Ngày: 07 - 8 - 2020

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Hải Trung
2. Ông Trần Thanh Khen

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Thành Được - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2020/TLST -HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp “ ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST - HN ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1980. (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng trú tại: 138 khóm A, thị trấn LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2020, đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 29/5/2020 và tại phiên tòa - nguyên đơn chị Huỳnh Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Trọng N vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Hồ. Vợ

chồng sống chung với nhau đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Nhân không chung thủy, thường xuyên đánh đập, hành hung chị, gia đình bên chồng ai cũng biết và cũng có khuyên ngăn, từ đó, giữa chị và anh N mạnh ai nấy sống, tiền ai nấy tiêu, anh N không chăm lo gì cho vợ con. Tuy sống chung một nhà nhưng chị và anh N không ngủ chung, không nói chuyện với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không còn tình nghĩa, không thể hàn gắn được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trọng N.

Về con chung: Chị T và anh N có 02 con chung là Nguyễn Huỳnh Thanh T, sinh ngày 05/12/2011, và Nguyễn Thành Nh, sinh ngày 18/11/2013. Khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Trọng N không có văn bản nêu ý kiến về các yêu cầu của chị T.

#### **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:**

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

*\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 197 BLTTDS năm 2015.

- Việc xác định tư cách những người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS

- Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh tình trạng hôn nhân đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

*\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

- Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, nhưng không có ý kiến và có mặt tại Tòa án để giải quyết là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: cho chị Huỳnh Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Trọng N.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Thanh T, sinh ngày 05/12/2011, và cháu Nguyễn Thành Nh, sinh ngày 18/11/2013 cho chị Huỳnh Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị T nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “ly hôn, nuôi con”, do bị đơn hiện còn đăng ký thường trú tại thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ. Căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh N được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trọng N theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01HT-2011 do Ủy ban nhân dân thị trấn Long Hồ cấp ngày 11/5/2011 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Trọng N là hôn nhân hợp pháp.

Theo biên bản xác minh ngày 03/6/2020 về tình trạng hôn nhân của chị T và anh Nhân thì được bà Huỳnh Thị L là mẹ ruột của anh N trình bày: sau khi kết hôn thì anh N và chị T ở chung gia đình của bà, giữa chị T và anh N phát sinh mâu thuẫn do anh N không chung thủy, có phụ nữ khác bên ngoài, gia đình bà có khuyên can, nhưng anh N không nghe.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng do anh N không chung thủy với chị T, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định Điều 19 Luật Hôn và gia đình, làm cho hôn nhân của chị T và anh N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, vì vậy yêu cầu ly hôn của T đối với anh N là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N.

[4] Về con chung: Xét, yêu cầu của chị T yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Huỳnh Thanh T, sinh ngày 05/12/2011, và cháu Nguyễn Thành Nh, sinh ngày 18/11/2013 là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ, cháu T cũng có nguyên sống với chị T, cháu Nh thì còn nhỏ; anh N không có ý kiến phản đối gì về yêu cầu nuôi con của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Thanh T và cháu Thành Nh cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6] Nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

[8] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Trọng N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Thanh T, sinh ngày 05/12/2011, và cháu Nguyễn Thành Nh, sinh ngày 18/11/2013 cho chị Huỳnh Thị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi 02 con chung, nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị T nộp 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005678 ngày 21/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Trọng N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Đặng Thị Ngọc Tú**